

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 44

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Miên Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2014
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Đào Công Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty là ông Nguyễn Hiếu, chức danh Tổng Giám đốc, theo ủy quyền của ông Nguyễn Miên Tuấn tại Quyết định số 23/2012/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015



Số tham chiếu: 60752721/17829348-SX

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty"), được lập ngày 7 tháng 8 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		961.203.317.294	1.074.235.816.723
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	285.682.387.853	315.516.672.633
111	1. Tiền		285.682.387.853	315.516.672.633
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		115.974.037.963	152.792.400.716
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	140.504.958.029	181.742.066.774
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6,2,7	(24.530.920.066)	(28.949.666.058)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	422.641.385.355	470.376.364.592
131	1. Phải thu khách hàng		172.500.000	253.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		512.653.200	1.633.833.400
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		406.028.217.606	456.234.065.034
138	4. Các khoản phải thu khác		37.292.421.875	33.975.665.389
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(21.364.407.326)	(21.720.699.231)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		136.905.506.123	135.550.378.782
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.410.827.811	782.611.182
154	2. Thuế và các khoản phải thu		39.338.950	2.071.968
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	134.455.339.362	134.765.695.632
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.383.637.090	26.399.924.782
220	I. Tài sản cố định		12.963.567.162	12.852.015.745
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.873.522.688	8.183.558.724
222	Nguyên giá		29.615.130.961	27.298.827.961
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.741.608.273)	(19.115.269.237)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.034.887.311	4.613.299.858
228	Nguyên giá		10.124.060.628	10.124.060.628
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.089.173.317)	(5.510.760.770)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	13	55.157.163	55.157.163
260	II. Tài sản dài hạn khác		14.420.069.928	13.547.909.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	171.571.592
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	12.214.638.264	10.154.335.213
268	3. Tài sản dài hạn khác	15	2.205.431.664	3.222.002.232
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		988.586.954.384	1.100.635.741.505

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		639.159.134.459	758.174.461.507
310	I. Nợ ngắn hạn		638.537.151.459	757.517.520.507
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	253.590.100.000	284.833.623.695
312	2. Phải trả người bán		324.595.936	364.385.438
313	3. Người mua trả tiền trước		808.500.000	655.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.032.165.308	1.739.413.715
315	5. Phải trả người lao động		7.796.755	7.796.755
316	6. Chi phí phải trả	18	3.642.147.581	9.146.797.514
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	272.470.804.131	388.936.491.298
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	103.424.909.452	69.206.784.606
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		3.236.132.296	2.627.227.486
330	II. Nợ dài hạn		621.983.000	656.941.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		621.983.000	656.941.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		349.427.819.925	342.461.279.998
410	I. Vốn chủ sở hữu		349.427.819.925	342.461.279.998
411	1. Vốn cổ phần	21.1	349.799.870.000	349.799.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
419	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lỗ lũy kế		(38.162.496.625)	(45.129.036.552)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		988.586.954.384	1.100.635.741.505

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
006	1. Chứng khoán lưu ký	7.217.615.140.000	8.566.360.340.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	2.494.188.630.000	4.066.756.950.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	31.747.610.000	27.285.150.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	2.445.601.060.000	4.014.783.050.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	16.839.960.000	24.688.750.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	40.926.670.000	41.481.430.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	40.926.670.000	41.481.430.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	2.438.974.490.000	3.590.899.670.000
018	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	6.800.000.000
019	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	2.438.974.490.000	3.584.099.670.000
022	1.4. Chứng khoán tạm giữ	1.231.331.190.000	-
024	1.4.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	1.231.331.190.000	-
027	1.5. Chứng khoán chờ thanh toán	90.369.820.000	75.538.320.000
029	1.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	90.229.820.000	75.538.320.000
030	1.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	140.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
037	1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	2.876.780.000	1.895.610.000
038	1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	120.000
039	1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	2.865.200.000	1.886.690.000
040	1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	11.580.000	8.800.000
042	1.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	918.947.560.000	789.788.360.000
044	1.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	918.947.560.000	789.788.360.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	263.616.080.000	159.661.510.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	258.226.780.000	156.719.710.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8.910.000	7.570.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	252.806.180.000	151.325.970.000
054	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.411.690.000	5.386.170.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	2.833.400.000	2.261.400.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	2.833.400.000	2.261.400.000
071	2.3. Chứng khoán chờ thanh toán	2.555.900.000	680.400.000
073	2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	2.555.900.000	680.400.000
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	39.762.510.000	50.893.950.000

Người lập:



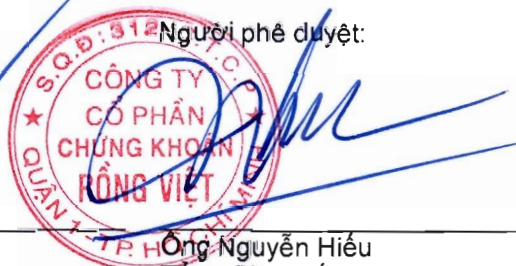
Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu		52.141.606.586	57.020.516.340
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		19.214.701.447	17.829.439.608
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		5.940.251.867	11.261.437.263
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		680.454.545	5.221.302.999
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.782.552.902	1.929.073.399
01.9	Doanh thu khác	22	24.523.645.825	20.779.263.071
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		52.141.606.586	57.020.516.340
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(28.440.552.345)	(32.700.286.699)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		23.701.054.241	24.320.229.641
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(17.004.891.965)	(16.076.835.597)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.696.162.276	8.243.394.044
31	8. Thu nhập khác		281.300.141	369.984.797
32	9. Chi phí khác		(10.922.490)	-
40	10. Lợi nhuận khác		270.377.651	369.984.797
50	11. Tổng lợi nhuận trước thuế		6.966.539.927	8.613.378.841
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.966.539.927	8.613.378.841
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	199	246

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		6.966.539.927	8.613.378.841
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12	2.204.751.583	2.448.623.401
03	Các khoản lập dự phòng	7,9	(4.775.037.897)	(224.011.760)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.083.953.758)	(1.475.320.822)
06	Chi phí lãi vay	23	12.513.308.779	16.199.858.320
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		13.825.608.634	25.562.527.980
09	Tăng các khoản phải thu		(4.775.247.502)	(83.369.680.438)
10	Giảm/(tăng) chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		41.237.108.745	(6.373.707.418)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(9.739.247.094)	330.944.166
12	Tăng các khoản chi phí trả trước		(1.456.645.037)	(582.549.498)
13	Lãi vay đã trả		(12.432.240.531)	(15.648.669.251)
16	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(2.060.303.051)	(1.740.498.831)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh chứng khoán		24.599.034.164	(81.821.633.290)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định	11	(2.316.303.000)	(334.540.800)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.040.132.258	4.475.320.822
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(276.170.742)	4.140.780.022

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn		1.117.443.166.116	1.644.017.907.010
34	Trả tiền vay ngắn hạn		(1.148.686.689.811)	(1.584.447.274.057)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(31.243.523.695)	59.570.632.953
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.920.660.273)	(18.110.220.315)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	56.454.900.875	27.463.280.519
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	49.534.240.602	9.353.060.204

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn cổ phần		349.799.870.000	349.799.870.000	-	-	-	-	349.799.870.000	349.799.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000	-	-	-	-	33.476.130.000	33.476.130.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
5. Lỗ lũy kế		(150.361.149.358)	(45.129.036.552)	8.613.378.841	-	6.966.539.927	-	(141.747.770.517)	(38.162.496.625)
Tổng cộng		237.229.167.192	342.461.279.998	8.613.378.841	-	6.966.539.927	-	245.842.546.033	349.427.819.925

Người lập:



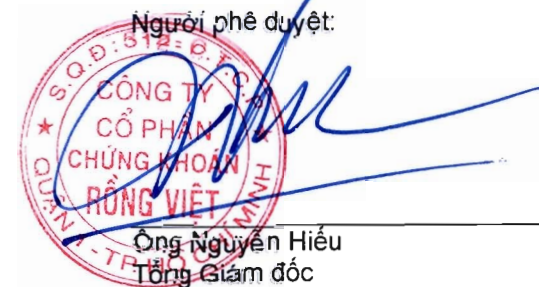
Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 349.799.870.000 đồng.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 186 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 173 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3.2 *Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Thông tư này đưa ra các quy định, các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư. Tuy nhiên, các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư này sẽ được loại khỏi khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cho mục đích lập báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Dự phòng cho các khoản phải thu được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/(lỗ) phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/(lỗ) phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí để xây dựng chuỗi nhận dạng thương hiệu của Công ty.

Bản quyền bao gồm các chi phí mua bản quyền phần mềm tin học ứng dụng văn phòng và phục vụ giao dịch chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	6 - 8 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	5 năm
Bản quyền	5 năm
Tài sản vô hình khác	5 năm

3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến năm (5) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;

3.10 *Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thực tế trên thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí hoạt động kinh doanh*".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ*".

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của 6 tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.13.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2/14

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu sẽ được ghi nhận khi các dịch vụ được cung cấp và được xác nhận bằng thỏa thuận giữa hai bên.

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	57.847.233	66.397.022
Tiền gửi ngân hàng	281.854.708.371	309.082.764.191
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.769.832.249	6.367.511.420
TỔNG CỘNG	<u>285.682.387.853</u>	<u>315.516.672.633</u>

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	57.847.233	66.397.022
Tiền gửi ngân hàng	281.854.708.371	309.082.764.191
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.769.832.249	6.367.511.420
	<u>285.682.387.853</u>	<u>315.516.672.633</u>
<i>Trừ:</i>		
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 19)	(135.177.919.201)	(196.815.558.478)
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 20)	(100.346.171.800)	(62.246.133.400)
Cổ tức của nhà đầu tư	(624.056.250)	(79.880)
	<u>(236.148.147.251)</u>	<u>(259.061.771.758)</u>
TỔNG CỘNG	<u>49.534.240.602</u>	<u>56.454.900.875</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng chứng khoán thực hiện trong kỳ Đơn vị cổ phiếu</i>	<i>Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VNĐ</i>
Của Công ty	4.040.992	73.255.261.931
Cổ phiếu	4.040.992	73.255.261.931
Của nhà đầu tư	666.633.977	9.577.781.666.520
Cổ phiếu	666.321.747	9.546.121.787.520
Trái phiếu	300.000	31.543.200.000
Chứng chỉ quỹ	12.230	116.679.000
TỔNG CỘNG	670.674.969	9.651.036.928.451

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	<u>181.742.066.774</u>	<u>16.019.960.485</u>	<u>(57.257.069.230)</u>	<u>140.504.958.029</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	VND									
	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị thực tế trên thị trường				Tổng giá trị thực tế trên thị trường	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014	Tăng		Giảm		30/6/2015	31/12/2014
Cổ phiếu niêm yết										
CTCP Kinh Đô (KDC)	500.048	500.044	29.862.689.210	29.955.561.035	-	-	8.460.634.810	5.003.365.435	21.402.054.400	24.952.195.600
CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)	904.645	695.881	27.775.100.857	27.775.100.857	-	-	5.158.975.857	5.785.261.257	22.616.125.000	21.989.839.600
CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	400.037	400.035	8.447.064.216	8.447.026.956	-	393.746.544	846.361.216	-	7.600.703.000	8.840.773.500
CTCP Xây Dựng Bình Chánh (BCI)	466.761	21	7.861.762.670	302.670	-	157.230	66.853.970	-	7.794.908.700	459.900
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (KBC)	400.020	450.015	6.113.995.351	6.878.135.351	86.314.649	277.103.149	-	-	6.200.310.000	7.155.238.500
CTCP Tasco (HUT)	298.428	430.040	3.644.743.808	5.882.382.800	-	224.185.200	153.136.208	-	3.491.607.600	6.106.568.000
CTCP Vận Tải Biển VN (VOS)	576.556	6	3.373.276.060	21.060	-	16.140	1.240.018.860	-	2.133.257.200	37.200
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ (FPT)	13	150.001	598.581	7.435.236.634	4.619	-	-	235.188.634	603.200	7.200.048.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (VIC)	8	340.027	391.663	16.654.194.557	-	-	43.663	434.906.657	348.000	16.219.287.900
Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET)	6	226.226	116.067	4.377.333.070	-	305.545.130	12.267	-	103.800	4.682.878.200
CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH)	6	234.006	80.657	3.129.863.828	-	29.217.172	257	-	80.400	3.159.081.000
Khác	56.395	227.722	865.057.421	8.728.881.215	21.294.963	250.060.754	38.784.684	654.941.409	847.567.700	8.324.000.560
	3.602.923	3.654.024	87.944.876.561	119.264.040.033	107.614.231	1.480.031.319	15.964.821.792	12.113.663.392	72.087.669.000	108.630.407.960

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

VNĐ

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị thực tế trên thị trường				Tổng giá trị thực tế trên thị trường	
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	Tăng		Giảm		30/06/2015	31/12/2014
					30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014		
Cổ phiếu chưa niêm yết										
CTCP Bất động sản Exim (EXIMLAND)	2.000.000	2.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	-	-	3.000.000.000	8.000.000.000	31.000.000.000	26.000.000.000
CTCP Kiến trúc Xây dựng Nhà Vui (NHAVUI)	360.000	670.500	4.556.027.180	8.485.603.400	-	-	1.676.027.180	3.792.103.400	2.880.000.000	4.693.500.000
CTCP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (DORUFOAM)	450.000	450.000	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000	2.250.000.000	2.250.000.000
CTCP XNK Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX)	509.238	461.895	3.933.297.000	3.933.297.000	-	-	-	1.161.927.000	3.933.297.000	2.771.370.000
CTCP Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	132.000	132.000	2.472.272.700	2.472.272.700	-	-	1.680.272.700	1.680.272.700	792.000.000	792.000.000
CTCP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam (SANHSUTTVN)	475.000	475.000	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000
CTCP Xây lắp điện 1 (XLD1)	50.000	-	1.235.000.000	-	-	-	-	-	1.235.000.000	-
CTCP Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	-	900.000	-	7.233.604.580	-	-	-	-	-	7.233.604.580
Khác	904	266	13.484.588	3.249.061	159.106	17.842	9.798.394	1.699.566	3.845.300	1.567.337
	3.977.142	5.089.661	52.560.081.468	62.478.026.741	159.106	17.842	8.566.098.274	16.836.002.666	43.994.142.300	45.642.041.917
TỔNG CỘNG	7.580.065	8.743.685	140.504.958.029	181.742.066.774	107.773.337	1.480.049.161	24.530.920.066	28.949.666.058	116.081.811.300	154.272.449.877

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư ngắn hạn		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	15.964.821.792	12.113.663.392
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	8.566.098.274	16.836.002.666
TỔNG CỘNG	<u>24.530.920.066</u>	<u>28.949.666.058</u>

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số đầu kỳ	28.949.666.058	25.012.766.757
Tăng trong kỳ (<i>Thuyết minh số 23</i>)	5.788.235.654	9.056.045.036
Hoàn nhập trong kỳ (<i>Thuyết minh số 23</i>)	<u>(10.206.981.646)</u>	<u>(8.447.040.866)</u>
Số cuối kỳ	<u>24.530.920.066</u>	<u>25.621.770.927</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VNĐ								
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	253.500.000	-	-	662.006.873	743.006.873	172.500.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	1.633.833.400	-	-	2.480.518.200	3.601.698.400	512.653.200	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	456.234.065.034	-	-	3.353.869.867.120	3.404.075.714.548	406.028.217.606	-	-	19.386.198.848
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	3.063.497.713	-	-	16.912.508.945	16.916.188.509	3.059.818.149	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	33.132.280.982	-	-	2.156.613.455.214	2.119.537.851.276	70.207.884.920	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và hợp tác đầu tư	364.838.286.339	-	-	1.180.343.902.961	1.212.421.674.763	332.760.514.537	-	-	19.386.198.848
- Phải thu Sở giao dịch chứng khoán	55.200.000.000	-	-	-	55.200.000.000	-	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	33.975.665.389	-	1.978.208.478	34.127.482.633	30.810.726.147	37.292.421.875	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	18.280.523.301	-	-	3.415.507.251	3.553.846.137	18.142.184.415	-	-	-
- Khoản phải thu nhân viên	1.978.208.478	-	1.978.208.478	156.750	156.750	1.978.208.478	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Cổ tức	-	-	-	1.536.346.500	492.525.000	1.043.821.500	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.716.933.610	-	-	29.175.472.132	26.764.198.260	16.128.207.482	-	-	-
TỔNG CỘNG	492.097.063.823	-	1.978.208.478	3.391.139.874.826	3.439.231.145.968	444.005.792.681	-	1.978.208.478	21.364.407.326

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số đầu kỳ	21.720.699.231	17.553.715.161
Số hoàn nhập trong kỳ (<i>Thuyết minh số 24</i>)	<u>(356.291.905)</u>	<u>(833.015.930)</u>
Số cuối kỳ	<u>21.364.407.326</u>	<u>16.720.699.231</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tạm ứng cho nhân viên	134.417.789.362	134.728.145.632
Cầm cổ, ký quỹ và ký cược	<u>37.550.000</u>	<u>37.550.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>134.455.339.362</u>	<u>134.765.695.632</u>

Bao gồm trong khoản tạm ứng cho nhân viên là khoản tạm ứng để thanh toán tiền đầu giá mua cổ phiếu theo chỉ định của nhà đầu tư với tổng số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 131.874 triệu đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Thiết bị văn phòng</i>		VNĐ
	<i>Phương tiện vận tải</i>		<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	23.152.141.861	4.146.686.100	27.298.827.961
Mua trong kỳ	<u>2.316.303.000</u>	<u>-</u>	<u>2.316.303.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>25.468.444.861</u>	<u>4.146.686.100</u>	<u>29.615.130.961</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	9.791.384.965	1.820.189.100	11.611.574.065
Giá trị hao mòn			
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	15.594.101.264	3.521.167.973	19.115.269.237
Khấu hao trong kỳ	<u>1.432.464.285</u>	<u>193.874.751</u>	<u>1.626.339.036</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>17.026.565.549</u>	<u>3.715.042.724</u>	<u>20.741.608.273</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	<u>7.558.040.597</u>	<u>625.518.127</u>	<u>8.183.558.724</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>8.441.879.312</u>	<u>431.643.376</u>	<u>8.873.522.688</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ				
	<i>Phần mềm tín học</i>	<i>Nhãn hiệu hàng hóa</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	8.349.362.903	307.500.192	964.693.751	502.503.782	10.124.060.628
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	8.349.362.903	307.500.192	964.693.751	502.503.782	10.124.060.628
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	284.789.340	-	964.693.751	167.503.782	1.416.986.873
Giá trị hao mòn					
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.860.354.745	261.375.161	964.693.751	424.337.113	5.510.760.770
Khấu trừ trong kỳ	514.162.525	30.750.021	-	33.500.001	578.412.547
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	4.374.517.270	292.125.182	964.693.751	457.837.114	6.089.173.317
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.489.008.158	46.125.031	-	78.166.669	4.613.299.858
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	3.974.845.633	15.375.010	-	44.666.668	4.034.887.311

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm các chi phí xây dựng hệ thống bảng giá điện tử và các trang thông tin điện tử hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

13. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Khoản mục này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động Công ty trong lĩnh vực chứng khoán, chi tiết như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số đầu kỳ	55.157.163	428.642.267
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	-	(329.672.000)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(43.813.104)
Số cuối kỳ	55.157.163	55.157.163

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số đầu kỳ	10.154.335.213	8.413.836.382
Tiền nộp bổ sung	1.483.009.540	816.976.151
Tiền lãi nhận được	577.293.511	923.522.680
Số cuối kỳ	12.214.638.264	10.154.335.213

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Tài sản đảm bảo
	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	VNĐ	VNĐ	
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam					
- Vay thấu chi phục vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1-7 ngày	10	-	23.132.280.982	Tín chấp
- Vay bổ sung vốn kinh doanh	3-6 tháng	10	-	60.000.000.000	Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín					
- Vay hạn mức phục vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1-7 ngày		-	10.000.000.000	Cổ phiếu
- Vay bổ sung vốn kinh doanh	3-6 tháng	10	-	131.701.342.713	Cổ phiếu
Nhận góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư					
Nhận từ tổ chức	1-3 tháng	9 - 9.5	127.990.100.000	60.000.000.000	Tín chấp
Phát hành trái phiếu					
Cho cá nhân	12 tháng	9	115.600.000.000	-	Tín chấp
Cho tổ chức	12 tháng	9	10.000.000.000	-	Tín chấp
TÓNG CỘNG			253.590.100.000	284.833.623.695	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập cá nhân	938.185.356	1.467.685.793
Thuế giá trị gia tăng	60.991.149	268.909.342
Thuế nhà thầu	32.988.803	2.818.580
TỔNG CỘNG	<u>1.032.165.308</u>	<u>1.739.413.715</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Lương tháng 13	1.200.000.000	-
Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán	878.330.752	1.061.410.942
Thù lao Hội đồng Quản trị	535.555.333	1.500.000.000
Lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả	713.161.440	632.093.192
Quỹ lương trích bổ sung cho năm 2014 (*)	-	4.800.000.000
Các khoản khác	315.100.056	1.153.293.380
TỔNG CỘNG	<u>3.642.147.581</u>	<u>9.146.797.514</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực chi 2.526 triệu đồng và hoàn nhập phần còn lại là 2.274 triệu đồng vào chi phí trong kỳ.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	135.177.919.201	196.815.558.478
Tiền đặt cọc của khách hàng	132.435.222.000	187.635.222.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	399.722.900	29.181.790
Phải trả khác	4.457.940.030	4.456.529.030
TỔNG CỘNG	<u>272.470.804.131</u>	<u>388.936.491.298</u>

Khoản tiền đặt cọc của khách hàng cho Công ty được sử dụng để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng môi giới để mua cổ phiếu của một công ty mục tiêu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	100.346.171.800	62.246.133.400
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tự doanh của Công ty	3.005.885.000	4.560.000.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	72.852.652	2.400.651.206
TỔNG CỘNG	<u>103.424.909.452</u>	<u>69.206.784.606</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Vốn cổ phần

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vũ Thị Bích Niềm	4.335.535	43.355.350.000	12,39
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	<u>3.800.000</u>	<u>38.000.000.000</u>	<u>10,86</u>
	8.135.535	81.355.350.000	23,26
Các cổ đông khác	<u>26.844.452</u>	<u>268.444.520.000</u>	<u>76,74</u>
TỔNG CỘNG	<u>34.979.987</u>	<u>349.799.870.000</u>	<u>100</u>

21.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. DOANH THU KHÁC

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	18.146.374.024	10.213.334.310
Thu lãi tiền gửi	3.288.448.326	4.273.868.035
Thu lãi cho vay ứng trước	2.779.414.665	3.772.876.636
Doanh thu hoạt động tài chính khác	309.408.810	2.519.184.090
TỔNG CỘNG	<u>24.523.645.825</u>	<u>20.779.263.071</u>

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư	12.513.308.779	16.199.858.320
Chi phí nhân viên	8.346.462.509	8.150.692.801
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.129.241.147	3.044.546.987
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	2.316.622.247	154.215.372
Chi phí bằng tiền khác	1.903.996.109	885.765.093
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.902.363.402	2.093.836.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	991.969.468	991.774.668
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	258.432.288	74.065.144
Chi phí tư vấn tài chính và đầu tư	230.540.909	-
Chi phí khác	1.266.361.479	496.527.488
	<u>32.859.298.337</u>	<u>32.091.282.529</u>
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán (Thuyết minh số 7)	5.788.235.654	9.056.045.036
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán (Thuyết minh số 7)	<u>(10.206.981.646)</u>	<u>(8.447.040.866)</u>
TỔNG CỘNG	<u>28.440.552.345</u>	<u>32.700.286.699</u>

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài Chính, các khoản kinh doanh hoạt động đầu tư chứng khoán khi có lãi (giá bán cao hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí nhân viên	6.908.121.615	7.326.702.053
Chi phí thuê nhà	4.226.790.000	3.827.340.000
Chi phí thuê ngoài khác	1.260.898.823	1.479.141.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.212.782.115	763.002.587
Chi phí điện nước	898.480.251	776.546.963
Chi phí bằng tiền khác	773.225.994	504.966.992
Chi phí bưu chính viễn thông	648.768.276	577.806.814
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	344.152.604	529.366.778
Chi phí khác	1.087.964.192	1.124.977.388
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 9)	(356.291.905)	(833.015.930)
TỔNG CỘNG	<u>17.004.891.965</u>	<u>16.076.835.597</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong kỳ theo Luật số 32/2013/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (năm 2014: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty ước tính mức thuế TNDN trong kỳ kế toán như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	6.966.539.927	8.613.378.841
<i>Trừ:</i>		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(3.083.953.758)	(1.475.320.822)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(356.291.905)	(833.015.930)
<i>Cộng:</i>		
Các khoản chi phí khác không được khấu trừ	275.600.000	163.000.000
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ năm trước	<u>3.801.894.264</u>	<u>6.468.042.089</u>
Lỗ các năm trước chuyển sang	(3.801.894.264)	(6.468.042.089)
Lợi nhuận tính thuế ước tính trong kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 45.519.432.662 đồng có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	VNĐ			
		Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 30/6/2015	Số lỗ tính thuế không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/6/2015
2008	2013	94.430.567.580	(69.753.796.869)	(24.676.770.711)	-
2011	2016	129.456.680.868	(111.536.042.010)	-	17.920.638.858
2012	2017	27.598.793.804	-	-	27.598.793.804
		251.486.042.252	(181.289.838.879)	(24.676.770.711)	45.519.432.662

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế ước tính phát sinh trong các kỳ trước có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai là 45.519.432.662 đồng. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	6.966.539.927	8.613.378.841
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị)	34.979.987	34.979.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	199	246

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

27. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại)</i>
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	186	151
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (đồng)		
1. Tổng quỹ lương thực chi	17.372.988.637	15.044.690.895
2. Tổng thu nhập	17.372.988.637	15.044.690.895
3. Tiền lương bình quân tháng (đồng/người)	15.567.194	16.605.619
4. Thu nhập bình quân tháng (đồng/người)	15.567.194	16.605.619

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>VNĐ</u> <u>Giá trị</u>
Cổ đông lớn	Lãi tiền gửi	1.380.051.768
	Vay ngắn hạn	584.268.007.857
	Thanh toán vay ngắn hạn	667.400.288.839
	Lãi tiền vay	2.355.568.211

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>VNĐ</u> <u>Phải thu</u>
Cổ đông lớn	Tiền gửi	6.092.217.507

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	TP.HCM	Hà Nội	Nha Trang	Cần Thơ	VNĐ Tổng cộng
Doanh thu và thu nhập khác					
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	16.170.914.087	2.399.263.478	258.605.375	385.918.507	19.214.701.447
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.940.251.867	-	-	-	5.940.251.867
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư	650.454.545	30.000.000	-	-	680.454.545
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.781.020.852	787.650	-	744.400	1.782.552.902
- Doanh thu và thu nhập khác	22.049.819.263	1.979.051.135	265.383.624	510.691.944	24.804.945.966
TỔNG CỘNG	46.592.460.614	4.409.102.263	523.988.999	897.354.851	52.422.906.727
Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp	37.451.740.262	5.863.623.745	872.975.898	1.268.026.895	45.456.366.800
Tổng lãi/(lỗ)	9.140.720.352	(1.454.521.482)	(348.986.899)	(370.672.044)	6.966.539.927

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các cam kết thuê hoạt động và cam kết bảo lãnh cho khách hàng

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	8.371.017.667	7.008.640.464
Từ 1 đến 5 năm	26.122.754.133	24.360.436.976
Trên 5 năm	-	403.470.038
TỔNG CỘNG	34.493.771.800	31.772.547.478

Các cam kết bảo lãnh cho khách hàng

Trong kỳ, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác với một số ngân hàng trong nước để hỗ trợ các khách hàng của Công ty vay đầu tư cổ phiếu. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện việc quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng và có nghĩa vụ trả nợ thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng dư nợ cho vay khách hàng theo hợp đồng hợp tác với ngân hàng là 13.196 triệu đồng.

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành một trong các loại sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 *Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)*

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 *Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)*

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn. Giá trị hợp lý của đầu tư tài chính ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết là giá thị trường của các cổ phiếu tại ngày lập báo cáo này được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ				
	Chứng khoán kinh doanh VNĐ	Cho vay và phải thu VNĐ	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ VNĐ	Tổng cộng giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	285.682.387.853	285.682.387.853	285.682.387.853
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.974.037.963	-	-	115.974.037.963	
Cổ phiếu niêm yết	71.980.054.769	-	-	71.980.054.769	72.087.669.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	43.993.983.194	-	-	43.993.983.194	(*)
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	-	420.150.523.677	-	420.150.523.677	(*)
TỔNG CỘNG	231.948.075.926	420.150.523.677	285.682.387.853	937.780.987.456	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	253.590.100.000	253.590.100.000	253.590.100.000
Phải trả người bán	-	-	324.595.936	324.595.936	324.595.936
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	103.424.909.452	103.424.909.452	103.424.909.452
Chi phí phải trả	-	-	1.906.592.248	1.906.592.248	1.906.592.248
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	138.425.490.672	138.425.490.672	138.425.490.672
TỔNG CỘNG	-	-	497.671.688.308	497.671.688.308	

(*) Giá trị hợp lý của tài sản tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Bộ Tài chính về xác định giá trị hợp lý của đầu tư tài chính ngắn hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản phải thu khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và nợ vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 vì các khoản tiền gửi và vay trong kỳ có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 72.087.669.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 108.630.407.960 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 7.208.766.900 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.863.040.796 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 7.208.766.900 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.863.040.796 VNĐ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư và giao dịch ký quỹ.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	VNĐ Tổng cộng
Ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Vay ngắn hạn	-	127.990.100.000	125.600.000.000	253.590.100.000
Phải trả người bán	-	324.595.936	-	324.595.936
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	103.424.909.452	-	-	103.424.909.452
Chi phí phải trả	-	1.906.592.248	-	1.906.592.248
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.414.051.497	11.439.175	-	138.425.490.672
	241.838.960.949	130.232.727.359	125.600.000.000	497.671.688.308
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Vay ngắn hạn	-	271.133.623.695	13.700.000.000	284.833.623.695
Phải trả người bán	-	42.330.200	322.055.238	364.385.438
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	69.206.784.606	-	-	69.206.784.606
Chi phí phải trả	-	2.846.797.514	-	2.846.797.514
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.442.785.964	192.091.751.030	-	391.534.536.994
	268.649.570.570	466.114.502.439	14.022.055.238	748.786.128.247

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để tiếp tục tài trợ cho nhu cầu vốn của Công ty.

Các khoản đảm bảo

Công ty nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2015